HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT Ở ĐÀNG TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN THẾ KỶ XVII - XVIII

ĐẶNG NGỌC HÀ*

1. Mở đầu

Đến nay, mặc dù đã có nhiều thành tựu nghiên cứu về Đàng Trong nhưng vấn đề pháp luật thời kỳ này vẫn chưa được tìm hiểu thật sự kỹ càng, thấu đáo. Các sách thông sử, khảo cứu thường trình bày pháp chế Đàng Trong khá sơ lược. Phần lớn các bộ thông sử chỉ nhắc tới khía cạnh các chức vụ thực thi luật pháp nằm trong tổ chức bộ máy hành chính (1). Một số công trình khác cũng trình bày tương đối ngắn gọn về đời sống pháp luật Đàng Trong (2). Hầu như các nghiên cứu đều quan niệm đời sống pháp luật Đàng Trong giống Đàng Ngoài nhưng không tiêu biểu bằng Đàng Ngoài. Luật pháp thời Lê Trung hưng được coi là đại diện cho pháp luật Việt Nam trong các thế kỷ XVII - XVIII (3). Những nhận định như "chế độ pháp luật [Đàng Trong] nói chung cơ bản vẫn phải dựa trên nền pháp luật có sẵn từ thời Hồng Đức trước đó" (4), hay: "chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chủ yếu vẫn theo chế độ của *Luật Hồng Đức*" (5) rất phổ biến. Đánh giá cho rằng thời chúa Nguyễn "luật pháp ít được chú trọng" nên "nói luật pháp Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII chủ yếu là nói đến hệ thống pháp luật của Đàng Ngoài" (6) trở nên khá quen thuộc.

Dựa trên việc hệ thống và phân tích các nguồn sử liệu, bài viết này muốn đưa đến cái nhìn khác, đa dạng hơn, cụ thể hơn về pháp luật Đàng Trong trên các khía cạnh hệ thống pháp luật gồm điển chế, bộ máy thi hành pháp luật và việc thực thi pháp luật. Đàng Trong có nền kinh tế đa dạng, không chỉ là nông nghiệp mà còn coi trọng thương nghiệp, khai thác lâm thổ sản (7). Xã hội Đàng Trong gồm nhiều tộc người với đời sống tư tưởng, văn hóa nhiều màu sắc (8). Cách vận hành của xã hội thời các chúa Nguyễn nhiều khi "không chính thống chút nào dưới con mắt của người phía bắc hay dưới quan điểm Nho giáo" (9). Tổ chức chính quyền ở Đàng Trong cũng có những nét riêng biệt khác Đàng Ngoài (10). Vì vậy, pháp luật Đàng Trong không hẳn tương đồng với Đàng Ngoài do những khác biệt nhất định trong đời sống kinh tế, kết cấu xã hội, tư tưởng và văn hóa.

2. Luật, điển chế và bộ máy thi hành pháp luật

Ở Đàng Trong, hệ thống điển chế dần được xây dựng hoàn thiện, bao phủ lên nhiều mặt quan hệ xã hội. Cùng với điển chế, các chúa Nguyễn thiết lập bộ máy thi hành pháp luật từ trung ương đến địa

*TS.Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội

phương, dù chưa thật quy mô, hoàn bị nhưng đã đáp ứng khá tốt nhu cầu quản lý xã hội. Sự tồn tại các quy phạm điển chế và bộ máy thực thi pháp luật cho thấy tư tưởng pháp quyền của các chúa Nguyễn cùng sự vận hành nhất quán trong công việc quản lý Đàng Trong.

Điển chế pháp luật ở Đàng Trong dù chưa đa dạng, hệ thống nhưng khá hoàn thiện. Về cơ bản, có thể họ Nguyễn vẫn xây dựng nền tảng pháp lý dựa trên *Luật Hồng Đức* song có sự điều chỉnh, vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Cần có thêm nhiều thảo luận và nghiên cứu sâu hơn nữa về nhận định: "Các chúa Nguyễn chưa soạn luật riêng cho Nam Hà" (11). Bởi lẽ, khi Giáo sĩ Jean Koffler đến Đàng Trong vào giữa thế kỷ XVIII và ở lại đây hơn một thập kỷ đã cho biết thời kỳ chúa Nguyễn có bộ luật riêng nhưng lại không chép tên gọi cụ thể: "Trong Bộ luật của vương quốc mỗi tội đều có định ra hình phạt xứng đáng riêng" (12). Có thể Đàng Trong chưa ban hành một bộ luật tổng hợp, hoàn chỉnh nhưng ít nhất đã có năm bộ quy chế, điển chế quan trọng quy định các vấn đề tổ chức hành chính, dân sự, kinh tế cùng nhiều văn bản dưới luật ở dạng định lệ, chức lệ, thể lệ…

Năm bộ quy chế, điển chế gồm: *Quy chế chức vụ của phủ huyện* (1615), *Phép duyệt tuyển* (1632), *Lộc điền chế* (trước 1681), *Thể thức duyệt tuyển* (1708), *Điển lệ trấn Thuận Thành* (1712).

Quy chế chức vụ của phủ huyện ban hành năm 1615 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (13). Sau khi thiết lập bộ máy hành chính tam ty, chúa Nguyễn ban hành quy chế trên, đây là việc làm quan trọng nhằm khẳng định vị thế không lệ thuộc vào chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài.

Tháng 6 năm Nhâm Thân (1632), Đào Duy Từ soạn *Phép duyệt tuyển* có nội dung phân chia các hạng dân cư và quy chế tuyển lính. Mặc dù văn bản pháp quy này bám vào luật thời Lê Thánh Tông: "tất cả theo quy lệ đời Hồng Đức, không khác" (14), "lược theo quy lệ đời Hồng Đức triều Lê" (15) nhưng chắc chắn có những điều chỉnh để phù hợp với tình hình cụ thể của Đàng Trong.

Lộc điền chế quy định thể lệ quan điền trang, quan đồn điền, ruộng ngụ lộc cấp cho người trong dòng họ của chúa Nguyễn và quan lại, tướng lĩnh cao cấp. Không rõ văn bản pháp quy trên ra đời từ khi nào nhưng chắc chắn xuất hiện trước năm 1681 (16).

Tháng 12 năm Đinh Hợi (1708), *Thể thức duyệt tuyển* ra đời, gồm 22 điều thay thế thể lệ duyệt tuyển năm 1632 (17). Thể thức mới quy định chi tiết hơn các hạng dân đinh, người miễn thuế, binh lính.

Tháng 9 năm Nhâm Thìn (1712), chúa Nguyễn Phúc Chu ban hành *Điển lệ trấn Thuận Thành*, gồm 5 điều (18). Điển lệ quy định cách thức xử kiện riêng cho trấn Thuận Thành, là một đơn vị hành chính đặc biệt ở Đàng Trong. Điển lệ này cho thấy tính đa dạng cùng phạm vi điều chỉnh có sự khác biệt ở từng khu vực trong hệ thống văn bản pháp luật thời kỳ chúa Nguyễn.

Ngoài ra, thống kê trong sách *Đại Nam thực lục* cho thấy các chúa Nguyễn đã ban hành ít nhất 20 văn bản dưới luật ở dạng định lệ, chức lệ, thể lệ… nhằm quy định các vấn đề quan chế, quân chế, kinh tế, thuế khóa, xã hội, thi cử, văn hóa. Ngoài ra, khi xưng vương năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát còn có hàng loạt thay đổi về bộ máy chính quyền, pháp chế, văn hóa.

Về quan chế, quân chế, có một số quy định như năm 1725 định lệ chế độ quan lại, nộp tiền trao quan chức (19); năm 1769 quy định chế độ ngụ lộc cho quan chức. Chính quyền Đàng Trong dựa nhiều vào lực lượng quân sự, đặc biệt là trong thời kỳ đầu, do đó quân chế rất được chú trọng hoàn thiện, Lê Quý Đôn cho biết quân chế của họ Nguyễn có 8 điều (20).

Chúa Nguyễn cũng ban hành nhiều văn bản pháp quy nhằm điều chỉnh các quan hệ trong hoạt động kinh tế. Tiêu biểu nhất là chính sách đột phá về ruộng đất ra đời vào tháng 4 năm Kỷ Dậu (1669) nhằm siết chặt hoạt động thu thuế ruộng công, công nhận sở hữu tư về ruộng đất: "Từ đó dân hết mối tranh kiện, yên phận làm ăn" (21). Ở Gia Định, việc thu thuế vốn "hết sức tương đối và phóng khoáng" (22), do đó đến năm 1711 mới quy định chặt chẽ hơn nhưng "phép tắc ở Gia Định còn rất khoan dung mà thuế lệ cũng còn nhẹ" (23). Thể lệ thuế khóa ở Đàng Trong được quy định khá chi tiết vào năm 1632 (24). Ngoài ra, họ Nguyễn còn quy định việc cấm thổ hào địa phương ngăn trở hoạt động giao thương (25), cấm sử dụng các loại tiền ngoài tiền đồng (26), cấm tư nhân đúc tiền (27). Năm 1714, có quy định thể lệ vận tải: "định lại điều lệ, tùy thuyền lớn nhỏ mà chia cắt vận chở và tính đường gần xa mà cấp phát tiền thuê khác nhau" (28). Bên cạnh pháp luật của nhà nước thì với vai trò giữ chức Điều khiển Gia Định, quyết định mọi công việc hệ trọng ở vùng đất phía Nam, Nguyễn Cư Trinh đề ra thể lệ vận tải cho vùng đất mới này nhằm tránh tình trạng trộm cướp, kiện tụng: "chủ thuyền khai báo tên họ làm sổ sách rõ ràng, rồi khắc chữ đóng vào đầu thuyền, ai trái lệnh thì bị tội, làm hồ sơ ghe thuyền để lưu chiểu" (29).

Bên cạnh đó, còn có nhiều văn bản pháp lý khác quy định các vấn đề kiện tụng, tệ nạn, sai dịch, nhân khẩu. Tháng 12 năm Bính Ngọ (1727), dựa trên ý kiến của Nguyễn Đăng Đệ, chính quyền chúa Nguyễn quy định: "Cấm dân gian không được đánh bạc, kiện gian và trốn tránh sai dịch, ẩn lậu đinh khẩu" (30). Cùng với luật pháp nhà nước, thôn xã vẫn được quản lý bằng lệ làng, Jean Koffler cho biết: "Các thôn còn có tư pháp của họ, và các kỳ mục cùng lý trưởng dựa vào đó để cai trị" (31).

Suốt thời gian cầm quyền, các chúa Nguyễn đã quy định nhiều loại tội trạng. Khi quân, đại nghịch là tội trạng nặng nhất (32). Đối với quan lại có các tội lạm quyền, tham nhũng, sách nhiễu: "các quan tổng trấn sử dụng quyền hành một cách quá ư ngạo mạn hay tham nhũng, nhiễu sách, hay bóp nặn dân chúng, thì bị xử tội tử hình" (33). Ngoài ra, "người ta trừng phạt nghiêm khắc nhất những kẻ gian dối, trộm cướp và ngoại tình" (34). Phạm tội vu cáo sẽ phải chịu án của người bị vu cáo: "chịu hình phạt đáng lí ra người kia phải chịu nếu thực sự đã phạm cái tội người ta tố cáo. Nếu trọng tội người ta cáo gian đáng phải tử hình thì người cáo gian này sẽ phải xử tử" (35). Đối với tội trộm cướp, tùy vào giá trị món đồ cùng số lần thực hiện hành vi sẽ bị xử lý ở các mức án khác nhau. Nếu món đồ có giá trị lớn, người phạm tội phải chịu án tử, giá trị món đồ không lớn nhưng phạm tội nhiều lần sẽ chịu mức án từ chặt ngón tay đến tử hình: "lấy một của gì quan trọng thì phải chém đầu, nếu là của không đáng giá bao nhiêu, thí dụ một con gà, thì bị chặt ngón tay nếu là lần thứ nhất, nếu còn tái phạm thì bị chặt ngón tay khác, nếu bị bắt lần thứ ba thì bị cắt tai, lần thứ tư thì bị cắt cổ" (36).

Người phụ nữ phạm tội giết chồng, giết con sẽ bị án tử bằng hình thức dùng hai thanh gươm đâm vào ngực (37). Phạm tội ngoại tình sẽ phải chịu án tử hình. Đầu thế kỷ XVII, theo tường thuật của Giáo sĩ Cristophoro Borri, cả đàn ông và phụ nữ đều chịu án tử nếu phạm tội ngoại tình (38). Nhưng đến giữa thế kỷ XVIII, ghi chép của thương nhân Pierre Poivre và nhà thiên văn Alexis Marie de Rochon cho biết chỉ phụ nữ mới bị kết tội chết (39). Phụ nữ trong hậu cung nếu phạm tội ngoại tình sẽ bị xử tử bằng hình thức voi giày, còn phụ nữ thường dân bị kết tội chết bằng hình thức: "bị đặt vào trong một cái bị cùng với một con lợn và ném xuống sông" (40).

Trong hôn nhân, quy định cấm kết hôn cận huyết, cho phép người đàn ông lấy nhiều vợ, vợ chồng được quyền ly hôn. Kết hôn "hàng ngang giữa anh chị em họ" bị cấm (41). Người đàn ông được phép có nhiều vợ: "Những người vợ mọn được gọi là bà hai, bà ba, bà tư tùy theo thứ tự mỗi người. Tất cả đều là nàng hầu của bà vợ cả. Bà này được trọng nể là vợ đích thực, vợ chính thức. Chính bà vợ này chọn các nàng hầu tùy theo ý mình và cưới về cho chồng" (42); "Người ta được phép có nhiều hơn một vợ. Một người đàn ông có thể lấy nhiều vợ miễn là anh ta có thể nuôi được họ" (43). Pháp luật cho phép ly hôn: "Hôn nhân của họ không bền chặt vì luật xứ Đàng Trong cho phép ly dị" (44), "luật pháp dường như đã chuẩn bị cho sự tự do của đàn ông bằng cách cho họ quyền ly hôn" (45). Nhưng trước khi ly hôn phải tường trình được lý do: "Để ly dị, điều cần thiết phải làm trước tiên là chứng tỏ được tại sao mình xin ly dị, vì có nhiều tội nặng tỏ tường, nếu có tội thật thì được xin ly dị và lấy người khác" (46). Sau khi ly hôn, tài sản chia đều cho hai vợ chồng, người cha được ưu tiên quyền nuôi con (47).

Pháp luật Đàng Trong quy định các loại hình phạt gồm phạt tiền, đánh trượng, chặt ngón tay, cắt chân, cắt tai, lưu đày, tử hình (48). Án tử hình có thể được thi hành bằng nhiều cách từ thả trôi sông, dùng gươm đâm vào ngực, cắt cổ, chặt đầu, tùng xẻo, bắn tên đến voi giày (49). Đầu thế kỷ XVII, ngoài chính quyền trung ương, quan trấn thủ ở các dinh được phép thi hành án tử hình (50). Nhưng tình hình dần thay đổi kể từ giữa thế kỷ XVII trở đi, đặc biệt từ giữa thế kỷ XVIII, tất cả án tử hình đều phải chuyển về "tòa án trung ương" ở Phú Xuân, viên pháp quan tối cao sẽ trực tiếp xử án (51), viên quan này chính là đô tri hay Hình bộ sau năm 1744.

Bộ máy thực thi pháp luật ở Đàng Trong được tổ chức từ trung ương đến địa phương, tuy nhiên chưa thực sự hoàn bị, chặt chẽ. Ở trung ương, lúc đầu bộ máy chính quyền Đàng Trong tổ chức theo mô hình nhà Lê - Trịnh, đến năm 1614 bắt đầu cải cách theo mô hình tam ty gồm 3 ty Xá sai, Tướng thần lại, Lệnh sử. Ty Xá sai đảm nhận công việc từ tụng văn án với các chức vụ đứng đầu là đô tri, ký lục (52). Phụ giúp công việc cho đô tri, ký lục là câu kê, cai hợp, thủ hợp, lại viên. Trong một thời gian dài, đô tri là viên quan đứng đầu ngành tư pháp, cho đến năm 1744 chức đô tri đổi thành Hình bộ (53). Viên quan Hình bộ tối cao đứng đầu các quan xử án ở trung ương, được mang gươm vàng, được coi là "đại thẩm phán của vương quốc" (54). Ngoài ra, năm 1722, ở Đàng Trong còn có một chức vụ đặc biệt về tư pháp là nội tán kiêm án sát sứ, tổng tri quân quốc trọng sự, có quyền lập định thể chế, pháp chế (55), người duy nhất giữ chức vụ này là Nguyễn Khoa Đăng.

Đến giữa thế kỷ XVIII, chính quyền địa phương ở Đàng Trong tổ chức thành dinh và trấn. Đứng đầu dinh về quân sự là trấn

thủ, về dân sự là ký lục, cai án, tri bạ. Ký lục thuộc ty Xá sai chịu trách nhiệm thực thi pháp luật. Nếu phiên chế đầy đủ, ty Xá sai ở địa phương gồm các chức vụ câu kê, cai hợp, thủ hợp và lại viên. Ở mỗi dinh, trấn, số lượng các ty khác nhau, có nơi đủ 3 ty Xá sai, Tướng thần lại, Lệnh sử nhưng phần nhiều chỉ có 2 ty. Tuy phiên chế các ty khác nhau nhưng dinh, trấn đều có chức vụ chịu trách nhiệm thi hành pháp luật. Cựu dinh (dinh Cát) chỉ có ty Lệnh sử với 23 người nhưng nhiệm vụ rất rộng: "giữ việc từ tụng văn án, sổ hộ khẩu và binh suất" (56). Dinh Quảng Nam (dinh Chiêm) có 2 ty, trong đó ty Xá sai gồm 60 người chịu trách nhiệm công việc luật pháp (57). Việc thi hành án tiến hành tại địa phương, riêng trường hợp mắc trọng tội phải đưa về trung ương xét xử.

Dưới dinh là phủ, huyện. Đứng đầu phủ là tri phủ, đứng đầu huyện là tri huyện, các chức quan này chịu trách nhiệm thực thi pháp luật, giúp việc "tra khám" cho các chức vụ trên là đề lại phủ, thông lại phủ, đề lại huyện, thông lại huyện (58).

Trong thôn, xã, phường nghề... ở miền núi và đồng bằng, những người đứng đầu chịu trách nhiệm thực thi pháp luật, "những việc ít quan trọng thì do các chức sắc ở mỗi làng xét xử" (59), "họ dàn xếp các vụ xung đột và hòa giải các bên xích mích" (60).

Ở Hội An còn có các chức cai tàu, tri tàu, cai bạ tàu, tri bạ tàu, cai phủ tàu, ký lục tàu để thực thi pháp luật, quản lý hoạt động thương mại, thu thuế (61). Các viên quan giữ các chức vụ trên có quyền bắt giữ người bị tình nghi phạm pháp như trường hợp Chu Thuấn Thủy khi đến Đàng Trong bị viên cai phủ bắt vào tháng 2 năm Đinh Dậu (1657) (62).

3. Thực thi pháp luật

Thực thi pháp luật thời kỳ các chúa Nguyễn là quá trình áp dụng quy định pháp luật vào mọi quan hệ kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, đó cũng là quan hệ giữa các cơ quan hành pháp với người dân Đàng Trong. Việc thực thi pháp luật ở Đàng Trong vừa linh hoạt, mềm dẻo vừa đảm bảo kỷ cương và tính nghiêm trị.

Nếu đánh giá thời kỳ đầu họ Nguyễn thi hành chính sách pháp luật khoan nhượng nhưng sang thế kỷ XVIII thì trở nên hà khắc hơn, hay: "Về chế độ tư pháp: tình hình của Đàng Trong cũng thối nát tương tự như ở Đàng Ngoài, nhất là ở thế kỷ XVIII" (63) thì cũng cần phải trao đổi, thảo luận thêm. Chẳng hạn, nửa đầu thế kỷ XVIII, chúa Nguyễn Phúc Chu sùng đạo Phật nên cho thực thi chính sách pháp luật thân dân, mềm dẻo, hoặc như các hình thức xử tử hà khắc vẫn được thi hành từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII. Hơn nữa, một điểm khá nổi bật trong cách thức làm việc của pháp quan Đàng Trong là sự cẩn thận, tỉ mỉ, công bằng. Tinh thần nhân văn trong thực thi luật pháp Đàng Trong cũng là một điểm đáng lưu ý.

Họ Nguyễn rất quan tâm đến tính hiệu quả trong thực thi pháp luật. Chúa Nguyễn Phúc Chu nói thẳng với người trong hoàng tộc: "Phép nước thi hành từ người thân trước" (64). Câu nói trên giúp liên tưởng đến những lời nói bất hủ về tư tưởng Trọng pháp của Lê Thánh Tông khi coi pháp luật là thượng tôn, không có ngoại lệ dù là vua hay hoàng thân quốc thích. Ý định cướp ngôi hay những hành động gây mất ổn định đều bị họ Nguyễn mạnh tay đánh dẹp. Năm 1635, với quan điểm "Phải xử theo phép nước để răn bọn loạn tặc", chúa Nguyễn Phúc Lan đã xử tử một người anh em họ đang làm trấn thủ Quảng Nam vì có

âm mưu cướp ngôi (65). Năm 1694, Nguyễn Phúc Chu quyết xử tử nhóm 9 người làm phản, trong đó có 2 người trong tôn thất (66). Năm 1712, xảy ra vụ hỏa hoạn lớn thiêu cháy nhiều dãy nhà của binh lính ở Chính dinh, sau khi truy tìm được ngôi nhà dân ở cạnh đó gây nên vụ cháy, chúa Nguyễn sai giết chủ nhà, còn người vợ bị cắt chân (67). Chúa Nguyễn Phúc Khoát tin rằng việc xử án nặng sẽ đảm bảo kỷ cương trong xã hội: "Ông tin rằng bao nhiêu ngày ông phê chuẩn các án tử hình đối với kẻ phạm tội là bấy nhiêu năm ông thêm vào cho cuộc đời ông. Cho dù cách nghĩ của ông ra sao đi nữa, ông vẫn được coi là một người khoan dung" (68). Các chúa Nguyễn phản ứng rất nhanh với những hành động nổi loạn, làm mất trật tự ở vùng đất mới Gia Định, như vụ dẹp loạn Hoàng Tiến những năm 1688, 1689 ở Mỹ Tho, đánh dẹp Lý Văn Quang ở dinh Trấn Biên năm 1747 (69). Những vụ nổi dạy ở trấn Thuận Thành trong các năm 1694, 1746, hay vụ "quấy nhiễu" của người Đá Vách ở Quảng Ngãi năm 1770 cũng ngay lập tức được xử lý (70). Năm 1658, sau khi chiếm Nghệ An, họ Nguyễn ngay lập tức tổ chức bộ máy hành chính để "xét bắt trộm cướp, xét xử kiện tụng" (71).

Các chúa Nguyễn đặt ra yêu cầu cao với những viên quan đứng đầu cơ quan hành pháp. Dù ở vị trí quyền lực rất lớn nhưng viên Đô tri Thận Đức đứng đầu ty Xá sai vẫn bị bãi chức vì "nhận bừa đơn kiện ở ngoài, xử kiện không được minh nên bị bãi" (72). Nguyễn Phúc Khoát nhiều lần nhắc nhở phải thực thi pháp luật nghiêm minh, công bằng. Ông dặn dò Tuần phủ Quảng Ngãi Nguyễn Cư Trinh: "Thuộc lại gian tham ngươi phải xét trị; hào cường lấn cướp ngươi phải ngăn trừ; án giam không quyết ngươi phải xét cho ra lẽ" (73). Ông cũng đặc biệt quan tâm đến đội ngũ quan lại khi yêu cầu phải nghiêm trị nếu phạm pháp: "Phàm quan lại bị người thưa kiện, đều được xét hỏi; võ từ cai đội, văn từ ký lục trở lên thì tâu lên để định đoạt; đội trưởng, cai án, phủ huyện trở xuống thì chiếu phép xử tội, cốt làm sao cho quan lại trong sạch, xứng với lòng ủy thác của ta" (74). Quan trấn thủ đứng đầu dinh, trấn cũng có thể bị bãi miễn nếu bị khởi kiện (75). Nếu phạm tội hối lộ, sách nhiễu dân chúng thì dù là quan trấn thủ dinh, trấn cũng bị kết án tử hình (76).

Hoạt động xử án ở Đàng Trong tỏ ra khá khách quan, nhiều viên pháp quan làm việc thận trọng, tỉ mỉ, xử đúng người, đúng tội. Pháp quan ở một số địa phương tỏ ra rất thân dân, dùng lý lẽ, tình cảm để vỗ về: "dân có kiện thì hiểu dụ cho về, thế thì cả hạt đều yên ổn" (77). Người dân Đàng Trong vẫn lưu truyền về tài xử án công tâm của Nguyễn Khoa Đăng (78). Đến Đàng Trong vào những năm đầu thế kỷ XVII, Cristophoro Borri đã để lại nhiều ghi chép miêu tả việc xử án. Theo ông, các quan xử án là "những người có óc phán đoán ngay thẳng, biết nghe và có kinh nghiệm trong các vụ tố tụng" (79). Nơi xử án là tư dinh của viên quan trấn thủ, cũng có khi lưu động đến nơi khác, vị quan trấn thủ Quy Nhơn từng xử một vụ án ở trước sân nhà của các giáo sĩ phương Tây (80). Mỗi ngày, thời gian xử án là bốn tiếng. Cristophoro Borri miêu tả một vụ xử án với nhiều chi tiết lý thú: "Các ông ngồi tòa mỗi ngày bốn giờ liền, trong một cái sân đẹp và rộng, ngay giữa tư dinh của mình, hai giờ buổi sáng và hai giờ buổi chiều. Những ai tranh tụng thì tới đó, trình bày khiếu nại và tố tụng. Vị khâm sai hay quan trấn thủ tựa vào cửa sổ mà nghe người này người kia lần lượt trình bày, kêu ca" (81). Sau khi tra

hỏi xong, viên pháp quan sẽ hội ý với người dưới quyền để cùng đưa ra quyết định: "Các ngài tra hỏi hai bên một cách xác đáng, nhất là để ý tới ý kiến của người phụ tá. Rồi hội ý với nhau, chấp nhận cho bên nguyên hay bên bị, nên họ dễ dàng nhận ra sự thực của vụ việc và tức thì không trì hoãn, họ lên tiếng công bố án xử và người ta tức khắc cho thi hành không khiếu nại hay hình thức tố tụng nào khác nữa" (82). Giữa thế kỷ XVIII, Pierre Poivre thuật lại cách làm việc thận trọng của viên quan điều tra một vụ án vợ tố cáo bị chồng đánh đập: "Ông ta sẽ hỏi bà và nhìn cẩn thận xem có chảy chút máu nào không và xem người đàn bà có bị đấm vào đầu không. Nếu hai tình trạng nghiêm trọng này được kiểm chứng là có thực, người đàn ông sẽ bị buộc phải đền một số [tiền] cho người đàn bà, và nếu ông ta từ chối hoặc không thể trả, ông sẽ bị xử phạt đóng gông một khoảng thời gian khá lâu" (83).

Việc thực thi pháp luật ở Đàng Trong khá linh hoạt, mềm dẻo, có tính nhân văn. Phạm nhân được tha tội vào những dịp ân xá đặc biệt hoặc viên quan trông coi pháp luật xét xử linh hoạt. Trong dịp Phật đản năm 1695, Nguyễn Phúc Chu ân xá cho những người phạm tội: "thanh lý oan ngục, tha tù bị giam cầm" (84), "các tù tội nhẹ đều được phóng thích, tội nặng được giảm khinh, bao nhiêu thiện chánh cử hành, khắp nước thảy đều ca tụng" (85). Có một người Hoa tên là Tăng Văn Lão phải chịu án tử, khi chưa kịp hành hình thì gần như chết đói trong ngục. Tưởng chồng chết, người vợ đem đi chôn, nhưng đến nơi chôn cất chồng hồi tỉnh, quan địa phương liền bắt giam lại. Nhận thấy đây là trường hợp bi thương, với tinh thần từ bi trong dịp kỷ niệm đức Phật đản sinh, Nguyễn Phúc Chu tha tội cho Tăng Văn Lão (86). Theo miêu tả của Cristophoro Borri, nghe theo lời khuyên của các giáo sĩ, viên quan trấn thủ Quy Nhơn đã giảm án hoặc tha tội cho nhiều phạm nhân: "ông cũng nghe theo lời chúng tôi thỉnh cầu trong rất nhiều trường hợp phải xử trị một trọng tội nào đó. Chúng tôi chưa kịp mở miệng ân xá thì ông đã bằng lòng ban ngay rồi" (87). Thậm chí, viên quan này còn tha tội cho hai tử tù: "Ông tuyên bố lớn tiếng là chưa bao giờ ông ban ân xá này cho một người nào cả. Nhưng vì những vị nhân đức này, ta không thể khước từ được" (88). Khoảng năm 1745, Nguyễn Phúc Khoát tha tội và cấp lương thực cứu đói 4.000 người từ Đàng Ngoài chạy vào Đàng Trong (89). Việc thực thi pháp luật ở Đàng Trong có sự ưu ái với phụ nữ, tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Thương nhân Pierre Poivre nhận xét rằng: "Luật pháp lập ra cho cộng đồng thì ít chuyên chế, nhưng chúng lại thích hợp với phụ nữ hơn là với đàn ông. Khi người đàn ông lập gia đình có nghĩa là anh ta lấy chủ của anh. Người vợ sai bảo anh ta và luật pháp che chở cho cô trước sự ngược đãi của chồng. Đánh 100 người đàn ông có thể ít nguy hiểm hơn là xử tệ với một người phụ nữ" (90).

Tuy nhiên, sự nhũng nhiễu của pháp quan hay việc coi thường pháp luật vẫn diễn ra, tình trạng này ngày càng trở nên phổ biến kể từ nửa cuối thế kỷ XVIII. Ở nhiều nơi, quan phủ, huyện chỉ thích "khám hỏi kiện tụng" vì "phủ huyện chỉ trông vào sự bắt bớ tra hỏi mà kiếm lộc, khiến của dân càng hao, tục dân càng bạc" (91). Do đó làm xảy ra tình trạng: "thổ quan cường hào chiếm đoạt và mua gian, kiện cáo lằng nhằng kéo dài hàng mấy năm, tranh nhau không thôi, tốn kém đến tiền nghìn" (92). Dưới thời Nguyễn Phúc Khoát, việc thực thi pháp luật trở nên kém hiệu quả: "Sự thực thi

luật pháp thì chậm chạp, khó thắng kiện và rất tốn kém. Những lời than phiền của những kẻ không may không thể thấu đến tai nhà vua; con đường đã bị chặn lại bởi sự tham lam. Không kẻ phạm tội nào phải đền tội, cho dù tội ác đó có tàn bạo đến đâu đi nữa. Kẻ giàu mua lối thoát cho họ, và người nghèo trả món nợ của họ [đối với xã hội] bằng cách bị đóng cùm" (93). Hiện tượng dùng tiền để chạy tội dần xuất hiện. Cuối thế kỷ XVII, thương nhân Thomas Bowyear kể lại có người dùng tới 50.000 lạng bạc để thoát tội, sau đó còn được thăng chức Phó Thư chính (94). Đến giữa thế kỷ XVIII, pháp luật Đàng Trong quy định các mức tiền chuộc tội kể cả trọng tội: "Giết một người phải nộp 1.200 quan, chặt tay người đó thì chịu 200, và [v.v..] cứ theo tỷ lệ các bộ phận trên cơ thể" (95). Điều này làm cho người châu Âu đến Đàng Trong phải ca thán: "Như thế, bất cứ ai giàu cũng có thể bất chấp công lý và luật pháp. Kết quả của việc các tội phạm không bị trừng phạt là sự bạo ngược lan tràn đổ lên đầu dân chúng, những người đang rên rỉ trong cảnh nghèo túng cơ cực tột cùng" (96).

Đời sống pháp luật Đàng Trong cũng có nhiều chi tiết được miêu tả sống động. Chẳng hạn, tình trạng kiện cáo trong việc đi lại ở Gia Định khá phổ biến vì mật độ giao thông đường thủy quá tấp nập: "ghe thuyền đi lại chật sông suốt ngày đêm nối đuôi nhau, cho nên nhiều khi đụng nhau bị hư hỏng rồi sinh ra kiện cáo, nhưng ai phải ai quấy thì thật khó xử đoán cho đúng lẽ" (97). Vì thế, để tránh va chạm, Nguyễn Cư Trinh đang làm chức Điều khiển Gia Định phải đặt ra quy định về những lời tri hô mang tính cảnh báo khi các ghe thuyền chuẩn bị đến gần nhau (98). Cristophoro Borri đã ghi lại tỉ mỉ cảnh tượng ghê rợn của một buổi hành hình tội ngoại tình bằng cách cho voi giày, tất nhiên pháp luật Đàng Trong vẫn có sự tôn trọng nhất định với phụ nữ nhưng nếu phạm tội ngoại tình sẽ vẫn bị xử trị: "Người ta dẫn phạm nhân ra khỏi thành tới một thửa ruộng và trước mặt rất đông người đến coi, người ta đặt thủ phạm ở giữa, tay chân bị trói, ở ngay cạnh con voi. Rồi người ta tuyên án phạt kẻ sắp bị xử và thi hành án xử theo từng điểm một. Trước hết voi dùng vòi quấn, rồi nắm và ép chặt tội nhân và nâng tội nhân lên cao, đưa ra cho mọi người trông thấy, rồi tung lên cao và đón tội nhân rớt xuống trúng ngà. Tội nhân từ cao rớt xuống và vị nặng nên cắm sâu vào ngà, tức thì voi hất người đó xuống đất rồi giẫm chân lên và đạp cho tan nát. Voi làm việc này mà không bỏ sót một điểm nào làm cho mọi người có mặt sửng sốt và sợ hãi. Vì chứng kiến hình phạt kẻ khác chịu mà mọi người phải giữ lòng trung thành trong đạo vợ chồng" (99). Cách tử hình bằng voi giày như trên còn được tiến hành với những người mắc tội khi quân (100). Vào giữa thế kỷ XVII, giáo sĩ De Choisy cũng thuật lại một vụ thi hành án tử hình vô cùng hà khắc bằng cách tùng xẻo một người lính: "Khi một người lính bị kết án tử hình vì tội khi quân, người ta không chém đầu anh ta như những người Đàng Trong khác: mỗi người lính thuộc liên đội của anh ta buộc phải cắt một miếng thịt của anh ta và ăn miếng thịt đó, bởi lẽ điều này làm họ kinh khiếp nên họ giấu một miếng thịt lợn để ăn sau khi đã xẻo bạn đồng ngũ thành từng mảnh nhỏ" (101).

Trong quá trình mở rộng về phương Nam, chúa Nguyễn thực hiện chính sách pháp luật mềm mỏng, linh hoạt ở vùng đất mới. Năm 1693, vương quốc Chămpa trở thành một phần của Đàng Trong với tên gọi trấn Thuận Thành. Ban đầu, họ

Nguyễn đặt chức cai án để trông coi pháp luật ở đơn vị hành chính đặc biệt này (102). Sau đó, Thuận Thành được ban quy chế tự trị với phiên vương là người đứng đầu. Năm 1712, Nguyễn Phúc Chu ban hành *Điển lệ trấn Thuận Thành* gồm 5 điều. Pháp luật ở trấn Thuận Thành có sự kết hợp giữa định chế của họ Nguyễn với luật pháp trước kia của Chăm pa vì vậy tạo nên sự hài hòa, cân đối trong xử lý các mối quan hệ xã hội. Năm 1714, phiên vương Thuận Thành là Kế Bà Tử xin lập nhà công đường để tiện xử án, Nguyễn Phúc Chu đồng ý ngay và lập tức "sai vẽ đồ thức tả sư hữu tướng, định thứ tự chỗ ngồi các phẩm khi làm việc công và khi xử kiện" (103). Đối với Gia Định, chúa Nguyễn quản lý bằng hình thức pháp chế linh hoạt, đặc biệt là những quy định liên quan đến sở hữu ruộng đất và nộp thuế.

4. Kết luận

Nền pháp luật Đàng Trong không hề đơn điệu. Hệ thống pháp luật dần dần hoàn thiện. Bộ máy thực thi pháp luật được tổ chức tương đối hoàn bị với nhiệm vụ, trách nhiệm khá rõ ràng. Tuy việc thi hành pháp chế chưa thực sự chặt chẽ song vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, nhất quán và mềm dẻo. Pháp luật Đàng Trong cũng cho thấy nhiều đặc thù của một vương quốc đang mở rộng về phương Nam.

Nguyễn Hoàng bắt đầu xây dựng vương quốc mới trên cơ sở lãnh thổ cũ của nhà Lê, đến các đời chúa Nguyễn tiếp theo lãnh thổ không ngừng mở rộng về phía Nam. Trong hoàn cảnh đặc thù đó, Đàng Trong kế thừa nền tảng luật pháp đã được định hình từ thời Lê nhưng bổ sung, hoàn thiện dần cơ chế pháp lý trong điều kiện mới. Nhiều văn bản pháp quy được ban hành để phù hợp với thể chế, đời sống kinh tế, tư tưởng, văn hóa. Các điển chế, văn bản pháp chế, bộ máy thi hành pháp luật ở Đàng Trong chứng tỏ sự thích ứng của thể chế cầm quyền trên một vùng đất không ngừng hội nhập và sáng tạo.

Các chúa Nguyễn đều coi pháp luật là thượng tôn, là công cụ để quản lý, điều hành xã hội. Tính hiệu quả của việc thực thi pháp luật được đặt lên hàng đầu. Dù việc thi hành pháp chế có sự hà khắc nhất định, song điều đó phản ánh sự tương thích của quyền lực trong những hoàn cảnh cụ thể ở một vùng đất mới. Việc thực thi pháp luật ở Đàng Trong còn có một khía cạnh quan trọng là tính linh hoạt, mềm dẻo, nhân văn. Điều này không mâu thuẫn với một chính quyền muốn quản lý các không gian lãnh thổ chặt chẽ mà cho thấy sự thích nghi của thể chế với nền kinh tế mở cửa cùng sự đa dạng về tộc người, văn hóa.

Sự tôn nghiêm của luật pháp Đàng Trong chỉ được đảm bảo cho đến giữa thế kỷ XVIII. Đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát, dù cố gắng, nhưng với nhiều biến động xã hội lớn cùng bản thân năng lực của vị chúa, nền pháp chế và sự thực thi pháp luật không còn được như trước.

CHÚ THÍCH

(1). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011, tr.290, 291; Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.304-307; Phan Huy Lê (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.290-295; Trần Thị Vinh (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr.105-115, 124, 125.

(2). Chẳng hạn, Phan Khoang khi đề cập đến pháp luật Đàng Trong chỉ dựa vào miêu tả của giáo sĩ Jean Koffler (Phan Khoang, *Việt sử xứ*

Đàng Trong 1558-1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam), Nxb Văn học, Hà Nội, 2001, tr.397, 398). Nguyễn Minh Tường phần lớn cũng chỉ nói đến chính sách nông nghiệp trong nội dung pháp luật Đàng Trong (Nguyễn Minh Tường, *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, Nxb/ Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr.551-554).

(3). Insun Yu cho rằng Đàng Ngoài "mang tính đại diện hơn cho truyền thống bản địa Việt Nam" (Insun Yu, *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1944, tr.18). Khi sử dụng tư liệu của các giáo sĩ phương Tây, Insun Yu chỉ sử dụng ghi chép viết về Đàng Ngoài. Xuyên suốt công trình này là hình hài của luật pháp Đàng Ngoài đại diện cho cả Việt Nam.

(4). Trần Thị Vinh (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 4, sđd, tr.125.

(5). Nguyễn Minh Tường, *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, sđd, tr.553.

(6). Phạm Đức Anh, *Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X - XIX*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr.177.

(7). Andrew Hardy, "Nguồn" *trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong*, trong sách Nhiều tác giả, *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.58.

(8). Li Tana, *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.193.

(9). Li Tana, *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, sđd, tr.216.

(10). Trần Thị Vinh, *Thiết chế và phương thức tuyển dụng quan lại của chính quyền nhà nước trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.145-173.

(11). Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)*, sđd, tr.397.

(12), (31), (32), (33), (37). Jean Koffler, *Description historique de la Cochinchine*, bản dịch lưu trữ tại thư viện khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 1911, kí hiệu LS-TL/688, tr.13, 14, 13, 13, 13.

(13), (15), (16), (17), (18), (21), (24), (26), (27), (28), (30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.39, 49, 92, 120-122, 128, 82, 49, 138, 154, 131, 141.

(14), (19), (20), (25). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.152, 147-150, 183-185, 126.

(22). Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập 4: *Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.110.

(23), (29), (97) (98). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr.115, 187, 186, 186-187.

(34), (35), (36), (38), (41), (42). Cristophoro Borri (2016), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.79, 79, 79-80, 80, 81, 81.

(39). Alexis Marie de Rochon, *Xứ Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, trong sách Nhiều tác giả, *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, Nxb. Hội nhà văn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, r.40; Pierre Poivre, "Miêu tả xứ Đàng Trong, 1749-1750", Tạp chí *Huế Xưa & Nay*, số 88, 2008. tr.66.

(40), (43), (45), (47). Pierre Poivre, "Miêu tả xứ Đàng Trong, 1749-1750", Tạp chí *Huế Xưa & Nay*, số 88, 2008, tr.66.

(44), (46), (50). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.81, 81, 101.

(48). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.79-81; Pierre Poivre, "Miêu tả xứ Đàng Trong, 1749-1750", tlđd, số 88, tr.66; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.128.

(49). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.79-81,101; L.Cadière, "Những người châu Âu đã thấy Huế xưa: Mục sư De Choisy", tạp chí *Những người bạn cố đô Huế*, tập XVI, 1929, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2003, tr.270; Jean Koffler (1911), *Description historique de la Cochinchine*, Tlđd, tr. 13.

(51). L.Cadière, "Những người châu Âu đã thấy Huế xưa: Mục sư De Choisy", Tlđd, tr.262; Jean Koffler, *Description historique de la Cochinchine*, Tlđd, tr.13.

(52). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, sđd, tr.144; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.38.

(53). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, sđd, tr.68; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.153.

(54), (60), (76). Jean Koffler, *Description historique de la Cochinchine*, tlđd, tr.13.

(55). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.137.

(56), (57), (61), (77), (92), (102). Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.145, 145, 231, 135, 101, 121.

(58). Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, sđd, tr.145; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.39.

(59), (101). L.Cadière, "Những người châu Âu đã thấy Huế xưa: Mục sư De Choisy", tlđd, tr.262, 270.

(62). Chu Thuấn Thủy, *Ký sự phục dịch ở An Nam (An Nam cung dịch kỷ sự)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018, tr.35.

(63). Nguyễn Minh Tường, *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, sđd, tr.553.

(64), (78). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, tập 1 (tiền biên), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.174, 175-176.

(65), (66), (67). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.52-53, 108, 128.

(68), (83), (95), (96). Pierre Poivre, "Miêu tả xứ Đàng Trong, 1749-1750", Tạp chí *Huế Xưa & Nay*, số 87, 2008, tr.70, 65-66, 65, 65.

(69). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.63, 98, 154.

(70). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.107, 108, 154, 174.

(71), (72), (73), (74), (75). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.72, 135, 156, 157, 50.

(79), (80), (81), (82), (87), (88). Cristophoro Borri (2016), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.78-79, 100, 78, 78-79, 96, 101.

(84), (85), (86). Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr.148, 149, 148-149.

(89), (90), (93). Pierre Poivre, "Miêu tả xứ Đàng Trong, 1749-1750", tlđd, số 87, tr.70, 65, 70.

(91). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.156.

(94). "Những người châu Âu đã thấy Huế xưa: Thomas Bowyear", Tạp chí *Những người bạn cố đô Huế*, tập VII, 1920, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2001, tr.244.

(99). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr.80

(100). Jean Koffler, *Description historique de la Cochinchine*, tlđd, tr.13.

(103). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.131.